



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC	Trang
---------	-------

Tổng tài khoản

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 938 335 312 - 313 - 333 811
- Fax: (84) 938 335 312
- Website: www.tsb.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học và máy dạy học.
- Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, vở, sổ, giấy học phẩm khác, đồ chơi trẻ em theo kế hoạch của các đơn vị trường học, thư viện của trẻ em hoặc các hương ước an ninh trật tự và an toàn xã hội được cơ quan chức năng (trụ sở hoặc địa phương) đề xuất, và kinh doanh.
- Tư vấn giám định học sinh và các bài thi phân môn tiếng Việt và môn toán.
- Sản xuất và bán, phân phối phần hàng phế phẩm và bán lẻ, nhập, bán, các khóa học ngoại ngữ, kỹ năng sống, kỹ năng quản lý thời gian, tài chính, quản lý dinh dưỡng.
- Sản xuất đồ chơi trẻ em.
- Sản xuất máy tính.
- Mua bán một số hàng hóa của cá nhân đơn vị ngoài.
- Mua bán một số nông sản, thực phẩm thiết bị nông nghiệp, phân bón và thuốc.
- Giải đáp thắc mắc và đưa ra lời khuyên cho các trường học phổ thông.
- Dịch vụ khác.
- Các dịch vụ khác.
- Các dịch vụ khác.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 280 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 19 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016
Miễn nhiệm ngày 06/10/2017 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Vũ Văn Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 219/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12/03/2018, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

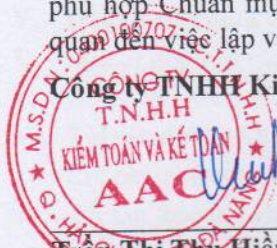
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Trần Vũ Nguyên Hà – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2333-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.813.943.182	90.643.122.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	14.499.070.592	15.905.852.717
1. Tiền	111		4.377.079.359	5.742.766.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.121.991.233	10.163.086.464
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.166.805.740	2.054.900.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.a	2.166.805.740	2.054.900.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.481.109.626	33.313.162.298
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	34.706.836.116	33.062.138.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.000.623.370	130.351.416
3. Các khoản phải thu khác	136	10	224.910.273	359.046.049
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(451.260.133)	(238.373.232)
IV. Hàng tồn kho	140	12	40.423.923.240	37.702.296.420
1. Hàng tồn kho	141		41.710.834.635	38.198.521.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.286.911.395)	(496.225.266)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.243.033.984	1.666.911.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	1.184.006.979	1.450.193.760
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	59.027.005	216.717.265
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			54.570.632.155	53.959.559.659
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.000.000	36.256.950
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	36.256.950
2. Phải thu dài hạn khác	216		11.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		40.172.347.930	41.922.056.780
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	40.159.153.479	41.898.862.333
- Nguyên giá	222		63.063.340.608	60.970.971.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.904.187.129)	(19.072.108.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	13.194.451	23.194.447
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.805.549)	(6.805.553)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.758.181.819	2.812.727.274
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	2.758.181.819	2.812.727.274
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		490.000.000	490.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.139.102.406	8.698.518.655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	11.109.809.476	8.657.104.513
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.292.930	41.414.142
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148.384.575.337	144.602.682.119

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. Nợ phải trả	300		39.229.943.903	38.048.426.966
I. Nợ ngắn hạn	310		39.229.943.903	38.048.426.966
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	19.305.805.521	16.576.640.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		683.537.489	225.303.474
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	750.081.954	497.326.894
4. Phải trả người lao động	314		10.059.216.283	3.308.344.096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.552.516.707	1.860.063.444
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.397.988.080	1.015.210.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	800.946.527	499.343.757
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	9.547.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.679.851.342	4.519.194.483
II Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.154.631.434	106.554.255.153
I. Vốn chủ sở hữu	410		109.154.631.434	106.554.255.153
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	6.538.767.315	5.795.214.815
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	21.588.170.127	18.543.624.132
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.689.617.281	8.905.090.248
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		862.101.972	1.125.618.427
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.827.515.309	7.779.471.821
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.921.080.487	2.893.329.734
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		148.384.575.337	144.602.682.119



Tổng Giám đốc

Trần Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	22	376.086.182.261	340.159.194.633
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	3.611.376.073	4.446.020.790
Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		372.474.806.188	335.713.173.843
Giá vốn hàng bán	11	24	286.416.039.932	261.783.977.662
Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		86.058.766.256	73.929.196.181
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	663.741.287	664.868.982
Chi phí tài chính	22	26	2.089.699.109	3.391.913.102
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		783.864.258	1.719.230.820
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(955.872.082)
Chi phí bán hàng	25	27.a	34.804.987.268	28.272.585.878
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	34.093.835.581	27.550.547.851
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.733.985.585	14.423.146.250
Thu nhập khác	31	28	660.328.503	450.481.219
Chi phí khác	32	29	426.070.579	141.485.117
Lợi nhuận khác	40		234.257.924	308.996.102
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.968.243.509	14.732.142.352
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.642.779.764	1.631.304.305
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.121.212	12.121.212
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		14.313.342.533	13.088.716.835
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		13.805.564.162	12.721.697.648
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		507.778.371	367.019.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.815	1.541
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.815	1.541



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.968.243.509	14.732.142.352
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14,15	4.055.432.259	3.658.891.395
- Các khoản dự phòng	03		1.003.573.030	444.268.732
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		65.308	(199.022)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		92.881.316	522.197.483
- Chi phí lãi vay	06		783.864.258	1.719.230.820
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		21.904.059.680	21.076.531.760
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.338.252.785)	2.373.118.898
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.512.312.949)	(5.411.927.755)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.788.634.623	7.524.732.531
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13	(2.186.518.182)	(105.129.433)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(783.864.258)	(1.720.062.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(1.502.599.104)	(1.919.804.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		43.000.000	78.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.884.320.393)	(5.069.930.556)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.527.826.632	16.825.729.241
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.927.769.009)	(9.793.938.747)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(176.905.740)	(2.105.900.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		65.000.000	118.143.050
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.195.080.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		346.870.300	430.981.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.692.804.449)	(9.135.633.829)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		44.965.603.865	55.595.652.138
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.512.603.865)	(60.821.952.138)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.694.739.000)	(7.690.159.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.241.739.000)	(12.916.459.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.406.716.817)	(5.226.363.588)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	15.905.852.717	21.132.017.283
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(65.308)	199.022
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	14.499.070.592	15.905.852.717



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong năm, Công ty không tái cấu trúc

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chi tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.9 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 theo Quyết định số 186/KTNN-CNIII ngày 26/01/2018 của Kiểm toán Nhà nước. Kết quả điều chỉnh hồi tố như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	01/01/2017 Đã hồi tố	01/01/2017	Chênh lệch	Ghi chú
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(238.373.232)	(404.031.974)	165.658.742	(1)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(496.225.266)	(719.684.660)	223.459.394	(1)
Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	216.717.265	255.629.079	(38.911.814)	(3)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.812.727.274	2.763.636.365	49.090.909	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	497.326.894	448.235.985	49.090.909	(2)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	7.779.471.821	7.429.265.499	350.206.322	(3)

BÁO CÁO KQHĐ KINH DOANH	Mã số	Năm 2016 Đã hồi tố	Năm 2016	Chênh lệch	Ghi chú
Giá vốn hàng bán	11	261.783.977.662	262.007.437.056	(223.459.394)	(1)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.550.547.851	27.716.206.593	(165.658.742)	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.732.142.352	14.343.024.216	389.118.136	(3)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.631.304.305	1.592.392.491	38.911.814	(3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	13.088.716.835	12.738.510.513	350.206.322	(3)
LNST của cổ đông công ty mẹ	61	12.721.697.648	12.371.491.326	350.206.322	(3)

- Điều chỉnh giảm trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 lần lượt là 165.658.742 đồng và 223.459.394 đồng, dẫn đến chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" giảm 165.658.742 đồng, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" giảm 223.459.394 đồng;
- Điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với dự án đầu tư: 49.090.909 đồng dẫn đến khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" và "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" cùng tăng lên một lượng tương ứng là 49.090.909 đồng;
- Tổng hợp điều chỉnh tại mục (1) làm cho chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo KQHĐKD tăng 389.118.136 đồng; Theo đó, chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" và khoản mục "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước" (chi tiết: Thuế TNDN nộp thừa) cùng tăng lên một lượng: 38.911.814 đồng; Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế TNDN", "LNST của cổ đông công ty mẹ" trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất và khoản mục "LNST chưa phân phối kỳ này" trên Bảng CĐKT hợp nhất cùng tăng 350.206.322 đồng.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	448.233.219	186.611.340
Tiền gửi ngân hàng	3.928.846.140	5.556.154.913
Các khoản tương đương tiền	10.121.991.233	10.163.086.464
Cộng	14.499.070.592	15.905.852.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.166.805.740	-	2.054.900.000	-
Cộng	2.166.805.740	-	2.054.900.000	-

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017				01/01/2017	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
Cộng			490.000.000	-	490.000.000	-

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP DVXB Giáo dục Gia Định với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

8. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	636.033.471	1.459.664.333
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	998.543.546	460.145.654
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	247.611.196	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	545.406.867	395.771.099
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	592.280.549	-
Các đối tượng khác	31.686.960.487	30.519.701.630
Cộng	34.706.836.116	33.062.138.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	592.280.549	-
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	636.033.471	1.459.664.333
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	69.517.217	111.033.894
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	247.611.196	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	545.406.867	395.771.099
Công ty CP Sách & TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	998.543.546	460.145.654
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	25.521.536	270.297.213

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
JIANGXI PHENIX OPTICAL IM&EXP CO.,Ltd.	800.748.450	-
Các đối tượng khác	199.874.920	130.351.416
Cộng	1.000.623.370	130.351.416

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	76.522.883	-	54.245.134	-
Tạm ứng	138.065.000	-	160.974.067	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN, BHXH	322.390	-	31.312.907	(28.521.257)
Phải thu khác	-	-	102.513.941	(16.217.990)
Cộng	224.910.273	-	359.046.049	(44.739.247)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(263.807.955)	(201.373.232)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(187.452.178)	(37.000.000)
Cộng	(451.260.133)	(238.373.232)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.036.863.227	(6.615.097)	7.145.285.040	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.832.548.843	(17.028.372)	2.647.759.383	-
Thành phẩm	10.264.078.632	(51.633.340)	9.872.349.705	(665.226)
Hàng hóa	20.577.343.933	(1.211.634.586)	18.533.127.558	(495.560.040)
Cộng	41.710.834.635	(1.286.911.395)	38.198.521.686	(496.225.266)

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2017 là 1.624.621.775 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2017, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	98.523.696	76.883.559
Chi phí ngoại khóa	360.375.798	310.186.700
Chi phí sửa chữa	247.736.741	430.380.931
Chi phí bảo hiểm	104.668.200	118.588.190
Chi phí trả trước khác	372.702.544	514.154.380
Cộng	1.184.006.979	1.450.193.760

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	710.202.746	442.842.066
Sửa chữa, chi phí phân bổ 223 Nguyễn Tri Phương	1.306.798.263	83.883.609
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	-	27.666.674
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	260.511.688	37.408.664
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	1.341.493.866	195.841.931
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.387.607.283	7.577.033.115
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	71.800.115	194.886.023
Chi phí trả trước dài hạn khác	31.395.515	97.542.431
Cộng	11.109.809.476	8.657.104.513

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	43.455.848.317	9.631.585.287	6.760.034.421	1.123.503.005	60.970.971.030
Tăng trong kỳ	-	-	1.549.181.818	119.300.181	1.668.481.999
Đầu tư XDCH HT	1.063.013.825	-	-	-	1.063.013.825
Th.lý, nhượng bán	547.961.566	-	-	91.164.680	639.126.246
Số cuối kỳ	43.970.900.576	9.631.585.287	8.309.216.239	1.151.638.506	63.063.340.608
Khấu hao					
Số đầu kỳ	10.109.524.896	5.700.310.749	2.470.825.379	791.447.673	19.072.108.697
Tăng trong kỳ	1.579.133.616	1.298.951.107	1.001.980.841	165.366.699	4.045.432.263
T/ly, nhượng bán	122.189.151	-	-	91.164.680	213.353.831
Số cuối kỳ	11.566.469.361	6.999.261.856	3.472.806.220	865.649.692	22.904.187.129
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	33.346.323.421	3.931.274.538	4.289.209.042	332.055.332	41.898.862.333
Số cuối kỳ	32.404.431.215	2.632.323.431	4.836.410.019	285.988.814	40.159.153.479

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại thời điểm 31/12/2017.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 4.685.885.551 đồng.

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	30.000.000	30.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	30.000.000	30.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	6.805.553	6.805.553
Khấu hao trong kỳ	9.999.996	9.999.996
Số cuối kỳ	16.805.549	16.805.549
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	23.194.447	23.194.447
Số cuối kỳ	13.194.451	13.194.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Công trình 223 Nguyễn Tri Phương	-	454.545.455
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	540.000.000	540.000.000
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	2.218.181.819	1.818.181.819
Cộng	2.758.181.819	2.812.727.274

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	386.377.391	445.923.195
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	1.020.585.000	2.544.858.700
Công ty CP Sách Giáo Dục Thành phố Hồ Chí Minh	212.377.689	27.717.026
Các đối tượng khác	17.686.465.441	13.558.141.817
Cộng	19.305.805.521	16.576.640.738

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	386.377.391	445.923.195
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	212.377.689	27.717.026
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	15.406.565	45.785.780
Công ty CP DV XBGD Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.020.585.000	2.544.858.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	Chung công ty đầu tư	-	274.177.439
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	73.520.770	4.174.320

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	248.475.095	-	2.350.316.272	2.241.249.697	357.541.670	-
Thuế nhập khẩu	-	-	6.744.559	6.744.559	-	-
Thuế TNDN	-	199.207.665	1.642.779.764	1.502.599.104	-	59.027.005
Thuế TNCN	248.851.799	-	1.442.513.659	1.298.825.174	392.540.284	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	17.509.600	4.459.670.613	4.442.161.013	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Cộng	497.326.894	216.717.265	9.913.024.867	9.502.579.547	750.081.954	59.027.005

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	2.128.934.507	1.746.525.444
Trích trước chi phí khác	423.582.200	113.538.000
Cộng	2.552.516.707	1.860.063.444

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	12.978.970	10.826.200
Cổ tức phải trả	46.967.557	30.717.557
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	741.000.000	457.800.000
Cộng	800.946.527	499.343.757

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.144.921.943	17.893.331.260	8.516.660.205
Tăng trong năm	-	-	650.292.872	650.292.872	12.721.697.648
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.333.267.605
Số tại 31/12/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.795.214.815	18.543.624.132	8.905.090.248
Số tại 01/01/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	5.795.214.815	18.543.624.132	8.905.090.248
Tăng trong năm	-	-	743.552.500	3.044.545.995	13.805.564.162
Giảm trong năm	-	-	-	-	15.021.037.129
Số tại 31/12/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	21.588.170.127	7.689.617.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhì	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	238.623.938	Không còn khả năng thu hồi

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	175.715.484.190	159.303.114.412
Doanh thu thiết bị giáo dục	175.048.531.626	158.606.338.916
Doanh thu hoạt động dạy học	24.559.821.000	21.780.142.114
Doanh thu khác	762.345.445	469.599.191
Cộng	376.086.182.261	340.159.194.633

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Hàng bán bị trả lại	3.611.376.073	4.446.020.790
Cộng	3.611.376.073	4.446.020.790

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn sách và sản phẩm in	153.979.094.429	137.555.197.404
Giá vốn thiết bị giáo dục	114.605.817.995	109.021.160.683
Giá vốn hoạt động dạy học	16.267.066.959	14.512.416.804
Giá vốn khác	773.374.420	361.714.327
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	790.686.129	333.488.444
Cộng	286.416.039.932	261.783.977.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	310.348.049	354.794.599
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	294.525.593	250.452.265
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	199.022
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	67.645	23.023
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	600.073
Cộng	663.741.287	664.868.982

27. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	783.864.258	1.719.230.820
Chiết khấu thanh toán phải trả	1.305.739.728	1.672.090.456
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	29.815	71.753
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	65.308	-
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	520.073
Cộng	2.089.699.109	3.391.913.102

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, các khoản trích theo lương	21.123.982.302	17.445.449.277
Khấu hao TSCĐ	347.736.762	284.951.336
Chi phí vận chuyển	2.712.839.179	2.340.352.795
Tiền thuê đất	1.814.138.076	1.953.431.892
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	6.905.373.195	4.442.304.370
Các khoản khác	1.900.917.754	1.806.096.208
Cộng	34.804.987.268	28.272.585.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, trích theo lương	18.210.302.560	16.072.400.212
Khấu hao TSCĐ	911.123.474	801.971.998
Thù lao HĐQT	1.096.000.000	869.000.000
Tiền thuê đất	1.695.650.416	2.179.451.868
Các khoản khác	12.180.759.131	7.627.723.773
Cộng	34.093.835.581	27.550.547.851

29. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	20.000.000
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	107.589.430	59.813.595
Thanh lý công cụ hư hỏng	21.596.364	615.273
Cho thuê mặt bằng	493.518.877	281.363.642
Thu nhập khác	37.623.832	88.688.709
Cộng	660.328.503	450.481.219

30. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại của TSCĐ đập, bỏ	425.772.415	
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	-	131.838.758
Chi phí khác	298.164	9.646.359
Cộng	426.070.579	141.485.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.968.243.509	14.732.142.352
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	20.787.435.502	16.015.583.146
- Hoạt động khác không được ưu đãi	(4.819.191.993)	(1.283.440.794)
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	806.927.945	1.688.469.282
- Các khoản điều chỉnh tăng	926.334.005	1.808.074.364
+ Chi phí không được trừ	926.268.697	852.202.282
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	65.308	-
+ Lỗ tại Công ty liên kết	-	955.872.082
- Các khoản điều chỉnh giảm	119.406.060	119.605.082
+ Cổ tức được chia	58.800.000	58.800.000
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	199.022
+ Lợi nhuận đã thực hiện	60.606.060	60.606.060
Tổng thu nhập chịu thuế	16.775.171.454	16.420.611.634
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	16.479.612.491	16.157.732.914
- Hoạt động khác không được ưu đãi	295.558.963	262.878.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.707.073.042	1.668.349.036
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.647.961.249	1.615.773.292
- Hoạt động khác không được ưu đãi	59.111.793	52.575.744
Thuế TNDN được giảm (ưu đãi tại Công ty con)	64.293.278	44.661.131
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.642.779.764	1.631.304.305
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.642.779.764	1.623.687.905
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	7.616.400

32. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.805.564.162	12.721.697.648
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(3.519.816.885)	(3.989.572.832)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	3.519.816.885	3.989.572.832
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.285.747.277	8.732.124.816
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.815	1.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.863.447.461	44.862.106.722
Chi phí nhân công	52.198.611.262	45.375.222.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.055.432.259	3.528.092.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.861.880.911	19.844.806.247
Chi phí khác bằng tiền	13.438.250.529	11.021.816.843
Cộng	143.417.622.422	124.632.045.091

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2017	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	24.559.821.000	175.048.531.626	176.477.829.635	376.086.182.261
Các khoản giảm trừ	13.569.000	1.520.873.775	2.076.933.298	3.611.376.073
Giá vốn hàng bán	16.267.066.959	114.605.817.995	155.543.154.978	286.416.039.932
Chi phí bán hàng	-	26.366.481.459	8.438.505.809	34.804.987.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.691.111.409	20.758.904.844	6.643.819.328	34.093.835.581
Chi phí lãi vay thuần	(165.982.830)	294.473.642	345.025.397	473.516.209
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	82.409.507	(1.034.851.120)	(952.441.613)
Thu nhập khác		40.041.424	620.287.079	660.328.503
Chi phí khác		322.543.445	103.527.134	426.070.579
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.754.056.462	11.301.887.398	2.912.299.649	15.968.243.509

Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2017

Phải thu của khách hàng	1.130.723.000	31.746.424.455	1.378.428.528	34.255.575.983
Hàng tồn kho	197.276.391	33.182.230.254	7.044.416.595	40.423.923.240
Tài sản cố định hữu hình				40.172.347.930
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.535.421.435	21.321.906.382	-	22.857.327.817
+ Nguyên giá	2.556.006.363	34.743.825.741	-	37.299.832.104
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.020.584.928)	(13.421.919.359)	-	(14.442.504.287)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.315.020.113
+ Nguyên giá	-	-	-	25.793.508.504
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(8.478.488.391)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	33.532.728.185
Tổng Tài sản				148.384.575.337
Phải trả người bán	323.186.906	14.265.251.771	4.717.366.844	19.305.805.521
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	19.924.138.382
Tổng Nợ phải trả				39.229.943.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2016	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	21.780.142.114	158.606.338.916	159.772.713.603	340.159.194.633
Các khoản giảm trừ	278.947.000	1.100.620.975	3.066.452.815	4.446.020.790
Giá vốn hàng bán	14.512.416.804	109.021.160.683	138.250.400.175	261.783.977.662
Chi phí bán hàng	-	20.477.670.329	7.794.915.549	28.272.585.878
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.997.380.041	15.610.834.710	5.942.333.100	27.550.547.851
Chi phí lãi vay thuần	(119.019.250)	724.044.392	759.411.079	1.364.436.221
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	68.234.839	(1.430.842.738)	(1.362.607.899)
Thu nhập khác		59.813.595	390.667.624	450.481.219
Chi phí khác		45.378.058	96.107.059	141.485.117
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				(955.872.082)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.110.417.519	11.754.678.203	2.822.918.712	14.732.142.352
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2016				
Phải thu của khách hàng	844.154.488	31.379.559.226	600.051.119	32.823.764.833
Hàng tồn kho	127.147.748	31.435.142.839	6.140.005.833	37.702.296.420
Tài sản cố định				41.922.056.780
- Tài sản cố định HH của bộ phận	631.104.392	23.466.929.845	456.531.290	24.554.585.527
+ Nguyên giá	1.430.786.363	34.270.690.287	1.144.586.415	36.846.063.065
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(799.681.971)	(10.803.760.442)	(688.055.125)	(12.291.497.538)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.367.491.253
+ Nguyên giá	-	-	-	24.154.907.965
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(6.787.416.712)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	32.154.564.086
Tổng Tài sản				144.602.682.119
Phải trả người bán	210.688.564	10.787.997.246	5.577.954.928	16.576.640.738
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	21.471.786.228
Tổng Nợ phải trả				38.048.426.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	USD	USD
Tài sản tài chính (Tiền gửi ngân hàng)	499,62	501,27

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.305.805.521	-	19.305.805.521
Chi phí phải trả	2.552.516.707	-	2.552.516.707
Phải trả khác	787.967.557	-	787.967.557
Cộng	22.646.289.785	-	22.646.289.785
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	16.576.640.738	-	16.576.640.738
Chi phí phải trả	1.860.063.444	-	1.860.063.444
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	9.547.000.000	-	9.547.000.000
Phải trả khác	488.517.557	-	488.517.557
Cộng	28.472.221.739	-	28.472.221.739

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	14.499.070.592	-	14.499.070.592
Phải thu khách hàng	34.255.575.983	-	34.255.575.983
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư tài chính	2.166.805.740	490.000.000	2.656.805.740
Phải thu khác	86.845.273	11.000.000	97.845.273
Cộng	51.008.297.588	501.000.000	51.509.297.588
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	15.905.852.717	-	15.905.852.717
Phải thu khách hàng	32.868.504.080	-	32.868.504.080
Phải thu về cho vay	-	36.256.950	36.256.950
Đầu tư tài chính	2.054.900.000	490.000.000	2.544.900.000
Phải thu khác	153.332.735	-	153.332.735
Cộng	50.982.589.532	526.256.950	51.508.846.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2017	Năm 2016
Mua hàng			
NXBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	phí quản lý, tem	15.820.800	13.799.100
Công ty CP Sách TB GDMiền Nam	Cung ứng SGK, STK, bìa b	84.955.711.065	77.244.930.930
Công ty CP Sách GD TP HCM	Cung ứng STK	466.080.927	666.135.416
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	87.360.000	153.748.000
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng sách, VHP	45.251.697.917	44.244.231.580
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Bản đồ	4.583.898.229	3.727.227.778
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Mua sách	1.683.500	4.895.761.600
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng STK	312.809.985	268.007.120
Công ty CP DV XB GD Gia Định	Cung ứng STK	-	119.830.000
Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội	Cung ứng STK	12.970.192.670	2.226.590
Bán hàng			
Công ty Sách Thiết Bị GD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	13.635.015.605	9.151.508.192
Công ty CP Sách GD tại TP HCM	Sách	2.468.064.741	1.540.903.572
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	257.626.892	1.773.646.374
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	14.238.430.777	6.251.764.844
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Sách, dịch vụ	261.902.052	198.887.940
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Sách, thiết bị	1.773.339.441	1.993.147.699
Công ty CP Sách TB GD Miền Trung	Sách, thiết bị	2.611.011.724	2.625.334.150
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Thiết bị	5.764.829.452	7.310.068.451
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị	Thù lao	595.800.000	758.706.472
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.978.679.900	2.128.799.700

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 08/01/2018 Hội đồng quản trị có Nghị quyết số 01/NQHĐQT_2018 về việc tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 13%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 18/01/2018, thực hiện tạm ứng cổ tức từ ngày 09/02/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại thuyết minh số 5.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018